

Số: /QĐ-UB

Cao Ngạn, ngày tháng 12 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

### Công nhận danh sách hộ nghèo, cận nghèo định kỳ hàng năm 2024

#### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ CAO NGẠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung gian giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ công văn số 6661/UBND-LĐT BXH ngày 26 tháng 11 năm 2024 của UBND thành phố Thái Nguyên Về việc công nhận kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025 năm 2024 (Đợt 1);

Theo đề nghị của Thường trực Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cấp xã.

#### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công nhận danh sách hộ nghèo, cận nghèo định kỳ hàng năm trên địa bàn xã Cao Ngạn.

(Danh sách chi tiết tại Phụ lục kèm theo Quyết định này)

**Điều 2.** Cấp Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo cho hộ nghèo, hộ cận nghèo được công nhận tại Quyết định này(5)

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã, công chức được giao nhiệm vụ làm công tác giảm nghèo, Thống kê và các công chức cấp xã liên quan, Trưởng các xóm và các hộ gia đình có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

#### Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thường trực Đảng ủy xã;
- Thường trực HĐND xã;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam xã;
- UBND thành phố;
- Phòng LĐT BXH thành phố;
- Lưu VT.

#### CHỦ TỊCH

Đoàn Việt Dũng

## PHỤ LỤC

### DANH SÁCH

#### Hộ nghèo, hộ cận nghèo định kỳ hằng năm

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UB ngày 02 tháng 12 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Cao Ngạn.)

STT	Họ và tên chủ hộ	Giới tính (Nam, Nữ)	Ngày, tháng năm sinh	Địa chỉ (ghi theo thứ tự thôn/tổ)
<b>I.</b>	<b>Hộ nghèo:33</b>			
1	Vi Văn Sơn	Nam	08/10/1947	Ao Vàng
2	Phó Văn Sinh	Nam	01/01/1955	Cầu Đá
3	Nguyễn Thị Xuân	Nữ	13/04/1966	Cổ Rùa
4	Vũ Thị Nguyên	Nữ	24/11/1979	Cổ Rùa
5	Nguyễn Quang Ngọ	Nam	05/10/1943	Gò Chè
6	Hoàng Thị Phúc	Nữ	01/01/1941	Gò Chè
7	Vũ Thị Mai	Nữ	01/01/1940	Gò Chè
8	Nguyễn Thị Lự	Nam	10/03/1946	Gò Chè
9	Nguyễn Thị Nhị	Nữ	01/01/1931	Gò Chè
10	Lê Văn Huân	Nam	15/01/1971	Gốc Vôi 1
11	Phạm Thị Hằng	Nữ	14/04/1957	Gốc Vôi 2
12	Lê Thị Lộc	Nữ	01/07/1947	Hội Hiếu
13	Nguyễn Thị Bé	Nữ	01/11/1957	Hội Hiếu
14	Nguyễn Thị Thanh	Nữ	28/12/1962	Làng Vàng
15	Tô Thị Lệ	Nữ	06/10/1983	Phúc Lộc
16	Nguyễn Thị Hiên	Nữ	22/02/1963	Quyết Thắng
17	Phạm Thị Hiền	Nữ	01/01/1965	Tân Phong
18	Vi Thị Hàn	Nữ	01/01/1948	Tân Phong
19	Nguyễn Thị Thu	Nữ	01/01/1941	Tân Phong
20	Nông Thị Nhi	Nữ	16/10/1960	Tân Phong
21	Đặng Thị Tý	Nữ	28/09/1972	Thác Lở

22	Hà Thị Ngọc	Nữ	27/03/1981	Thác Lở
23	Trương Thị Bấy	Nữ	23/04/1973	Thác Lở
24	Lương Thị Xuân	Nữ	19/07/1975	Thác Lở
25	Lê Thị Sáu	Nữ	23/12/1972	Thác Lở
26	Nguyễn Sơn Hải	Nam	04/05/1973	Xóm Hợp Thành
27	Nguyễn Thị Mai	Nữ	01/01/1952	Xóm Hợp Thành
28	Bùi Thị Trọng	Nữ	10/02/1953	Xóm Hợp Thành
29	Ngô Thị Nguyên	Nữ	15/02/1945	Xóm Hợp Thành
30	Lương Thị Hoa	Nữ	08/09/1959	Xóm Hợp Thành
31	Vi Văn Phương	Nam	01/01/1942	Xóm Hợp Thành
32	Trần Đức Huy	Nam	01/02/1956	Xóm Hợp Thành
33	Lương Thị Địa	Nữ	01/01/1952	Xóm Vải
<b>II.</b>	<b>Hộ cận nghèo: 13</b>			
1	Lương Thị Hiền	Nữ	14/12/1963	Ao Vàng
2	Bằng Thị Xuân	Nữ	23/04/1933	Ao Vàng
3	Lý Thị Mần	Nữ	04/08/1952	Cầu Đá
4	Triệu Thị Loạn	Nữ	01/11/1948	Cầu Đá
5	Phạm Thị Hẽ	Nữ	01/01/1953	Cổ Rùa
6	Đinh Thị Hằng	Nữ	14/06/1945	Cổ Rùa
7	Đoàn Văn Thái	Nam	22/02/1956	Góc Vói 1
8	Nguyễn Thị Bông	Nữ	01/01/1945	Hội Hiếu
9	Phí Thị My	Nữ	01/01/1957	Hội Hiếu
10	Phạm Thị Bình	Nữ	27/07/1952	Tân Phong
11	Trương Văn Tỉnh	Nam	17/06/1965	Gò Chè
12	Dương Văn Sơn	Nam	04/09/1979	Làng Vàng
13	Nguyễn Thị Minh	Nữ	09/04/1958	Gò Chè
<b>III.</b>	<b>Tổng cộng (I + II): 53 hộ</b>			

- (1): Tên xã/ phường/ thị trấn.
- (2): Hộ nghèo, hộ cận nghèo/ hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo/ hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình.
- (3): Thường trực Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cấp xã hoặc cá nhân khác theo phân công của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.
- (4): Định kỳ hằng năm/ thường xuyên hằng năm.
- (5): Chỉ áp dụng đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo.
- (6): Nghèo/ thoát nghèo/ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình.
- (7): Cận nghèo/ thoát cận nghèo.